

Số: 206/BC-TTYT

Kiên Hải, ngày 05 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Y tế năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ công tác y tế năm 2026

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Thời gian qua, được sự quan tâm theo dõi, chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo SYT; các cấp uỷ đảng, chính quyền, BCĐ CSSKND; sự phối hợp các ban ngành, đoàn thể xã hội địa phương tạo điều kiện cho ngành y tế thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân; đảm bảo đủ thuốc, vật tư y tế và chuyển đổi số của ngành để phục vụ người dân. Viên chức, người lao động ngành y tế được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn. Đơn vị được các Bệnh viện, Trung tâm tuyến tỉnh hỗ trợ chỉ đạo tuyến; chia sẻ, hướng dẫn chuyên môn đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ SYT, các Trung tâm Y tế tuyến tỉnh; Đảng uỷ, Chính quyền địa phương giao...

2. Khó khăn

Địa bàn chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, biến động theo mùa ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo tuyến, phòng chống dịch.... Giai đoạn giao thời, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp một số công việc chưa được triển khai đồng bộ; các hướng dẫn thi hành một số điều khoản Luật KCB và BHYT mới năm 2025 ban đầu lúng túng ở một số cơ sở y tế, đặc biệt trong công tác chuyển tuyến và thanh quyết toán BHYT.... Nhân lực ngành y tế còn thiếu để bố trí theo đề án vị trí việc làm dẫn tới việc triển khai còn chậm và công việc kiêm nhiệm chồng chéo nhiều. Một số chỉ tiêu đạt hiệu quả chưa cao; việc ứng dụng CNTT thực hiện hồ sơ bệnh án điện tử trong chuyển đổi số ngành triển khai đạt hiệu quả chưa cao...

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2025

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

- Trung tâm Y tế đã tham mưu Huyện uỷ, UBND huyện (nay là Đảng uỷ, UBND đặc khu) tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Y tế về chăm sóc sức khoẻ ban đầu; phòng chống dịch bệnh; thực hiện các chương trình y tế quốc gia; dân số, truyền thông giáo dục sức khoẻ...: Trong năm, đơn vị đã tiếp nhận triển khai thực hiện cụ thể hoá 1350 văn bản trong đó: Công văn 391¹; Kế hoạch 276²; Quyết định 238 văn

¹(1) Phòng ngừa lừa đảo tài sản qua mạng; (2) Về việc đảm bảo cung ứng và kiểm soát giá thuốc điều trị cúm mùa; (3) Khám tuyển nghĩa vụ quân sự cho 61 thanh niên sẵn sàng nhập ngũ; (4) V/v tăng cường công tác truyền thông phòng chống cúm mùa đông xuân; (5) Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; (6) triển khai thực hiện công điện số 125/CĐ-TTg Thủ tướng Chính Phủ...

²(1) Kế hoạch triển khai bệnh án điện tử; Kế hoạch sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tiền chất 2025; (2) Kế hoạch tiêm chủng năm 2025; (3) kế hoạch phòng cháy, chữa cháy năm 2025; (4) kế hoạch động chương trình của Khoa ATTP-YTCC và Dinh dưỡng năm 2025...

bản³; Báo cáo 141 văn bản; Thông báo 160 văn bản; Tờ trình 115 văn bản; Biên bản: 00; Giấy mời: 29. Khảo sát, giám sát và nhu cầu sử dụng TTB-VTTYT ở y tế cơ sở năm 2025...

- Chỉ đạo các khoa/phòng, trạm y tế xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu được giao; báo cáo định kỳ nhiệm vụ thực hiện. Thực hiện nghiêm các nội quy, quy định, quy trình về công tác chuyên môn, đảm bảo quá trình thực hiện diễn ra an toàn; thực hiện nghiêm 12 điều y đức, quy tắc ứng xử của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người dân. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan, ban ngành trong thực hiện nhiệm vụ; tham mưu các cấp chính quyền địa phương đảm bảo công tác chuyên môn ngành y tế, xây dựng tiêu chí về y tế trong thực hiện xây dựng nông thôn mới... Ứng dụng khoa học kỹ thuật cải tiến chất lượng bệnh viện, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hoạt động khám chữa bệnh và báo cáo...

2. Kết quả thực hiện

(Bảng số liệu thực hiện năm 2025 so với cùng kỳ và kế hoạch năm 2026 đính kèm)

2.1. Công tác khám, chữa bệnh

Tổng số lượt khám chữa bệnh thực hiện trong năm: 24.100 lượt đạt 100,4%, trong đó: Khám BHYT 17.992 lượt; Xử trí cấp cứu ban đầu 321 lượt; Chuyển tuyến trên 4.794 lượt; Trẻ em dưới 6 tuổi 576 lượt; Người cao tuổi >60 tuổi: 8.197 lượt; Điều trị nội trú: 110 lượt đạt 76%; Khám và điều trị YHCT: 3.322 lượt đạt 110%; bệnh án ngoại trú: 177/150 lượt đạt 118%. Cận lâm sàng: Test nhanh đường huyết 1.224 lượt; Siêu âm 331 lượt. Điện tim 186 lượt. X-Quang: 89 lượt.

2.2. Công tác Chăm sóc SKSS/KHHGD

- Tổng số áp dụng các biện pháp tránh thai: 1.350 lượt⁴ đạt 108%.
- Tổng số sanh tại cơ sở y tế: 176 ca đạt 56%.
- Tổng số khám phụ khoa: 1968 lượt đạt 105% KH. Tổng số lượt điều trị phụ khoa: 1023 lượt đạt 121% KH.
- Tổng số phụ nữ có thai: 115 người; Số phụ nữ đẻ được khám thai: 399 ca.

2.3. Công tác Dự phòng (Số liệu từ ngày 01/01/2025-30/11/2025)

Công tác phòng chống dịch bệnh được giám sát, quản lý chặt chẽ, xử lý kịp thời không để dịch bệnh lây lan. Trong năm, ghi nhận 24 ca Tay chân miệng; xử lý 02 ổ dịch TCM (Hòn Tre 01, Lại Sơn 02 ca, An sơn 07; 01 ca Nam Du 14 ca) Thực hiện công tác tiêm chủng thường xuyên miễn dịch cơ bản cho 185 trẻ em ; Phụ nữ có thai UV2⁺: 172 người. Các chương trình phòng chống bệnh không truyền nhiễm, truyền nhiễm và nguy hiểm khác được báo cáo, quản lý, cấp phát thuốc đúng thời gian, kịp thời cho bệnh nhân như HIV/AIDS, Lao, Phong, Tâm thần; các bệnh mạn tính khác Tăng huyết áp, Đái tháo đường...

2.4. Chương trình An toàn thực phẩm- Y tế công cộng và Dinh dưỡng

- Chương trình Vitamin A: 746/751 trẻ 6-36 tháng uống Vitamin A (99%).

³(1) Ban hành danh mục tương tác thuốc chống chỉ định sử dụng tại TTYT Kiên Hải 2025; (2) ban hành quy chế bảo mật thông tin và quyền riêng tư người bệnh...

⁴ Vòng: 319 lượt đạt 106%; Thuốc tiêm: 50 lượt đạt 100%; Thuốc viên: 454 lượt đạt 114%; Bao cao su: 527 đạt 105%.

- Chương trình dinh dưỡng: 1.234 trẻ <5 tuổi được cân đo, đạt 97%.
- Tỷ lệ SDD CN/T: 6,2% (giảm 0,2); Tỷ lệ SDD CC/T: 7,5% (giảm 0,2).

- Chương trình ATTP tương đối ổn tuy nhiên do sát nhập chính quyền 02 cấp nên việc thực hiện đôi khi còn chậm. Công tác kiểm tra và phối hợp kiểm tra thực hiện tương đối tốt, theo tiến độ và chỉ tiêu năm đề ra. Trong năm: 327 lượt thanh/kiểm tra đạt 120,7% so với kế hoạch; 30 test nhanh đạt 100% so với kế hoạch; 07 giấy Chứng nhận đủ điều kiện ATTP.

- Chương trình vệ sinh môi trường giám sát 05/05 cơ sở y tế đạt 100%, quản lý chất thải y tế 05/05 đạt 100%; Kiểm tra nhà tiêu hộ gia đình: 314/250 đạt 125%.

- Chương trình YTTH-NHĐ kiểm tra, giám sát 07/05 trường đạt 140 % so với kế hoạch; 2924 học sinh được thực hiện khám sức khỏe định kỳ.

2.5. Công tác Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe

- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kịp thời các kế hoạch, chương trình Truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2025 trên địa bàn Kiên Hải theo sự chỉ đạo của CDC tỉnh. Tập trung truyền thông các nội dung chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, DS-KHHGĐ, nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; vận động phát hiện, can thiệp sớm dị tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh; điều chỉnh mức sinh; mất cân bằng giới tính khi sinh; tư vấn chăm sóc SKSS/KHHGĐ cho vị thành niên-Thanh niên⁵; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tuyên truyền, treo băng rôn hưởng ứng các chủ đề truyền thông nhân các ngày, tháng, tuần lễ, sự kiện ngành Y tế; các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Bộ Y tế về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.⁶

- Tổng số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại là: 1.160/1.116 người; đạt 104 % so với kế hoạch giao trong đó⁷: Trẻ em mới sinh ra ước tính 30/12 là: 144 trẻ (giảm 20 trẻ so với cùng kỳ), trong đó 69 trẻ là nữ (giảm 10 trẻ so với cùng kỳ), con thứ 3⁺ là 18 trẻ (giảm 07 trẻ so với cùng kỳ).

2.6. Công tác Dược- Trang thiết bị- Vật tư y tế:

Tiếp tục thực hiện cấp phát vật tư y tế. Đảm bảo cung ứng thuốc BHYT, thuốc chương trình cho các bệnh nhân điều trị Lao, Tâm thần; thống kê, báo cáo công tác dược. Tiếp tục tham mưu hoàn thiện, kiện toàn lại Hội đồng thuốc và điều trị, thành lập các tổ giúp việc cho Hội đồng; xây dựng kế hoạch hoạt động khoa dược và Hội đồng thuốc năm 2025.

2.7. Công tác thi đua khen thưởng và NCKH

- Đầu năm đơn vị ký giao ước thi đua toàn ngành; tuyên truyền tăng cường ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện quy chế dân chủ, triển khai đến tất cả CNVC, người lao động nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

⁵ Tư vấn sức khỏe 5.194/3.000 (đạt 173%) lần cho: 5.212 lượt người; Thảo luận nhóm 51/50 cuộc (đạt 102%); có 1.113 lượt người tham dự; Thăm hộ gia đình 1.115/400/ (đạt 278.8%) hộ có: 1.286 lượt người; Nói chuyện chuyên đề được 45/20 cuộc (đạt 225%) với 785 người tham dự.

⁶ Tuyên truyền qua Đài Truyền thanh huyện 516 lần. Tin bài 34/30 tin (đạt 113.3%); Trung tâm giáo dục sức khỏe tỉnh 13/08 (đạt 162.5%) tin bài, 31 ảnh; Phát hành và treo: 103 băng rôn...

⁷ Vòng: 217, Thuốc tiêm 84, thuốc cây 05, Bao cao su 439, Thuốc uống tránh thai 415 (Bao cao su, thuốc tiêm và thuốc uống tránh thai tính theo số người đang sử dụng).

- Hội đồng NCKH và CN Trung tâm đã góp ý chỉnh sửa Đề cương Đề tài NCKH cho 05 trình Hội đồng Khoa học Sở Y tế đánh giá phê duyệt 2/5 Đề cương đề tài nghiên cứu khoa học. Cuối năm, Hội đồng NCKH&CN Trung tâm đã thông qua đánh giá, nghiệm thu 2 đề tài NCKH cấp cơ sở tại đơn vị.

2.8. Hoạt động tài chính kế toán

Đơn vị không thực hiện được tự thu tự chi mà kinh phí được cấp hoàn toàn từ ngân sách Nhà nước đảm bảo chi đúng, chi đủ, tiết kiệm và thanh quyết toán theo đúng quy định Nhà nước. Đầu năm được Nhà nước giao dự toán: 26.253.420.000 đồng, Thu phí lệ phí, dịch vụ khám chữa bệnh 840.000.000 đồng; Số dư năm 2024 chuyển sang 807.519.211 đồng. Trong năm 2025 đơn vị thực hiện chi: 24.423.447.368đ, trong đó: Chi cho lương, phụ cấp, các khoản đóng góp: 20.510.447.368đ; Chi hoạt động thường xuyên: 2.591.000.000đ; Chi phụ cấp Y tế áp, CVT DS: 379.000.000đ; chi đào tạo: 243.000.000đ; Chi viện phí, phí ATTP năm 2025: 700.000.000 đồng.

2.9. Việc ứng dụng Công nghệ thông tin

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số đối với ngành Y tế năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Đơn vị đã cập nhật, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin điện tử Trung tâm các văn bản chỉ đạo, điều hành được kịp thời. Tiếp tục nâng cấp, triển khai các phần mềm quản lý khám, chữa bệnh, chất lượng bệnh viện và thanh toán BHYT; Thực hiện tiếp nhận khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD có gắn chip mức độ 2 (trên ứng dụng VneID điện thoại) và thực hiện liên thông dữ liệu giấy chứng sinh và giấy báo tử; tiếp tục triển khai khám, chữa bệnh kê đơn thuốc điện tử chữ ký số; triển khai hóa đơn điện tử. Tổ chức quản lý sức khỏe điện tử người dân; triển khai thực hiện hồ sơ Bệnh án điện tử, ký số; sổ khám chữa bệnh điện tử và khám chữa bệnh từ xa qua các ứng dụng và phần mềm VNPT-His.... Tiếp tục khai thác phần mềm quản lý tài sản; phần mềm thống kê y tế theo Thông tư số 37/2019/TT-BYT.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Nhìn chung kết quả thực hiện các chỉ tiêu, chương trình đề án của ngành y tế thực hiện cơ bản đạt; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân cũng như phòng chống dịch địa phương; công tác phối hợp với các ngành, đơn vị tuyến tỉnh trong quản lý Nhà nước như ATTP, Quản lý hành nghề, Y tế trường học, một số chương trình cộng đồng được thực hiện tốt.

- Thực hiện nghiêm công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ cho tuyến dưới; Các chương trình, kế hoạch được triển khai nhanh chóng, kịp thời xuống các cơ sở. Duy trì và ổn định tổ chức tại các cơ sở.KCB, 100% các cơ sở có bác sĩ, hộ sinh trực; đảm bảo cơ bản cơ sở thuốc, vật tư y tế, vắc xin, hoá chất cho công tác khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch và xử trí cấp cứu ban đầu.

- Công tác kiện toàn tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực luôn được trú trọng; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh, kiểm soát tốt công tác phòng chống dịch bảo đảm đúng quy trình, hướng dẫn; các chỉ tiêu các chương trình y tế quốc gia đạt vượt mức kế hoạch giao.

- Phương tiện, trang thiết bị y tế sử dụng bước đầu phát huy hiệu quả là cơ sở phát triển cận lâm sàng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh, quản lý sức khỏe người dân phục vụ chuẩn quốc gia về y tế xã và xây dựng xã NTM...

2. Hạn chế và nguyên nhân

- Năng lực trong quản lý điều hành và triển khai các nhiệm vụ chính trị tại đơn vị đạt hiệu quả chưa cao...do nhận thức, trình độ, năng lực còn hạn chế.

- Nhân lực ngành y tế còn thiếu biên chế để bố trí theo đề án vị trí việc làm dẫn tới việc triển khai còn chậm và công việc kiêm nhiệm chồng chéo nhiều.

- Một số chỉ tiêu kế hoạch giao chưa đạt bệnh nội trú do đơn vị đặc thù nội trú chủ yếu trên địa bàn Hòn Tre; các cơ sở khác chuyển bệnh về các đơn vị điều trị trong đất liền; chất lượng phục vụ chưa đáp ứng nhu cầu của người dân. Một số chương trình y tế quốc gia chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em có tỷ lệ phụ nữ sinh trong năm đạt 56% do chỉ tiêu giao hàng năm cao cùng với tâm lý chưa muốn sinh thêm và điều kiện kinh tế còn khó khăn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý KCB từ xa, kết nối dữ liệu đồng bộ hệ thống còn triển khai chậm, trông chờ hướng dẫn, chỉ đạo cấp trên...

III. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2026

1. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp nhận và tham mưu xử lý các văn bản; Triển khai cập nhật thường xuyên dữ liệu chương trình phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh của Trung tâm và các cơ sở Y tế trực thuộc. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy ngành y tế cơ sở; tham mưu Sở Y tế xây dựng các Đề án của đơn vị trong sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp ngành y tế; thăng hạng, chuyển ngạch viên chức; Tổ chức các Hội nghị của ngành. Xây dựng các kế hoạch và báo cáo hành chính theo yêu cầu...

2. Tiếp tục thực hiện kế hoạch chỉ đạo tuyến năm 2026. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2026; Giám sát các hoạt động khám chữa bệnh và các chương trình y tế quốc gia; phòng chống dịch bệnh; kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện, hệ dự phòng, phòng xét nghiệm; triển khai giai đoạn 3 hồ sơ bệnh án điện tử tại Trung tâm ...

3. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của ngành; Chuẩn bị kinh phí mua sắm năm 2025; hoàn tất báo cáo quyết toán tài chính cấp trên theo quy định; thanh quyết toán chi phí KCB- BHYT ...

4. Xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình phòng chống dịch, bệnh năm 2026; Báo cáo các chương trình quản lý trên hệ thống bệnh truyền nhiễm;...

5. Xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình y tế quốc gia y tế công cộng, phối hợp địa phương giám sát thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia xây dựng nông thôn mới; quản lý bệnh nghề nghiệp, sức khỏe môi trường; khám tuyển quân công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và phòng chống tai nạn thương tích...

6. Tăng cường vai trò Hội đồng thuốc và điều trị thực hiện các nhiệm vụ, quy trình mua sắm, đấu thầu thuốc, trang thiết bị vật tư y tế; tiếp tục chỉ đạo các cơ sở sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế, báo cáo đầy đủ theo yêu cầu; dự trữ thuốc chương trình phục vụ, cấp phát cho bệnh nhân Lao, Tâm thần. Rà soát thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế...

7. Tiếp tục tham mưu tổng hợp và xây dựng các chỉ số về Dân số học cơ bản cho các cấp lãnh đạo tại địa phương; Tổ chức thực hiện chiến dịch truyền thông dân số; Đề án mất cân bằng giới tính khi sinh; Chương trình “Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi” năm 2025 trên địa bàn đặc khu. Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, báo cáo về hoạt động Dân số-TT GDSK theo yêu cầu của các cấp ở từng lĩnh vực cụ thể; cập

nhật thông tin biến động dân số vào kho dữ liệu điện tử. Phối hợp tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm; đưa tin bài và treo băng rôn hưởng ứng các ngày, tháng, tuần lễ, sự kiện của ngành Y tế.

8. Các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; Thực hiện tốt biện pháp phòng, chống dịch bệnh đảm bảo an toàn theo hướng dẫn Bộ Y tế; thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm y tế; báo cáo công tác duy trì thực hiện chuẩn quốc gia về y tế năm 2025 và thực hiện chế độ trực ban, báo cáo đúng theo quy định.

IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Các giải pháp

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, người đứng đầu đơn vị nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo cấp trên; giám sát, kiểm tra các nhiệm vụ thực hiện; bám sát chương trình kế hoạch đã ban hành các chỉ tiêu được giao đề xuất giải pháp phù hợp tập trung thực hiện.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư, các chương trình; Đề án phát triển cho y tế biển đảo để tăng cường công tác tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực và sử dụng phù hợp có hiệu quả các nguồn lực được hỗ trợ.

- Triển khai nhanh các Đề án tổ chức, nhân sự toàn ngành sau khi được phê duyệt; ổn định tổ chức, giám sát, phân công nhiệm vụ đúng chức năng hoạt động từng đơn vị.

- Theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trong khu vực, trong nước và địa phương triển khai kịp thời các phương án, kế hoạch phòng chống dịch hiệu quả trên địa bàn.

- Các đơn vị phối hợp chặt chẽ với các ngành, chính quyền địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh tuyến y tế cơ sở; đảm bảo đủ thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế. Quản lý chặt chẽ công tác hành nghề y dược, mỹ phẩm; An toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn...

- Khai thác, sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực ngành quản lý, KCB, kết nối dữ liệu điện tử ...

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Sở Y tế và các Trung tâm tuyến tỉnh

- Đề nghị SYT quan tâm hơn nữa chế độ đặc thù biển đảo; tạo thuận lợi, cơ chế riêng cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ biển đảo, biên giới, vùng sâu vùng xa, nơi có điều kiện kinh-tế xã hội khó khăn về chế độ làm việc, thu hút, học tập, đời sống viên chức người lao động. Hỗ trợ đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện Đề án tổ chức bộ máy, nhân sự; xây dựng TYT Quân dân Y phù hợp với điều kiện thực tế đặc khu theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp điều kiện đặc thù của địa phương.

- Đề nghị Sở Y tế cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn nghị định, thông tư liên quan đến ngành đến cơ sở; chỉ đạo rà soát chỉ tiêu thực hiện các đơn vị điều chỉnh phù hợp với năng lực thực hiện từng đơn vị; thăng hạng viên chức đủ điều kiện tại các đơn vị; hỗ trợ đơn vị công tác chuyển đổi số, khám chữa bệnh từ xa; tiếp tục triển khai bệnh án điện tử.

- Đề nghị các Bệnh viện, Trung tâm tuyến tỉnh hỗ trợ đơn vị công tác chỉ đạo tuyến, chuyển tuyến để đơn vị thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

2.2. Đối với UBND đặc khu

- Chỉ đạo Phòng chuyên môn phối hợp với Trung tâm Y tế tăng cường công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế; hành nghề y- dược mỹ phẩm; An toàn thực phẩm và nhiệm vụ chuyên môn khác của ngành mà địa phương quản lý.

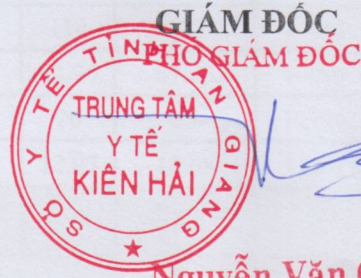
- Hướng dẫn đơn vị tiếp tục thực hiện công tác tham mưu sắp xếp tổ chức ngành y tế địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phù hợp với đặc thù đặc khu.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế trong xây dựng Nông thôn mới, NTM nâng cao trên địa bàn đặc khu.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác Y tế năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ công tác y tế năm 2026. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị y tế thuộc, trực thuộc căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, thực hiện./. *my*

Nơi nhận:

- VP. Sở Y tế;
- VP. Đảng ủy đặc khu;
- BTG Đặc khu;
- P.VH-XH đặc khu;
- Chi cục thống kê Kiên Hải;
- Đảng ủy Y tế;
- GD và các PGD TTYT;
- Khoa/Phòng/TYT;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu VT, tđlinh.



Nguyễn Văn Cẩn

BẢNG SỐ LIỆU

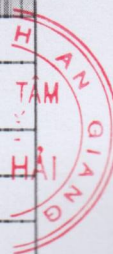
Tình hình hoạt động một số chương trình y tế thực hiện năm 2025 và đề xuất chỉ tiêu năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	Năm 2025				2026
		Thực hiện năm 2024	Kế hoạch	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2026
I-CÙNG CỐ Y TẾ CƠ SỞ							
Dân số Đặc khu	Người	18250	18116	16808	101%	99%	-
Số Trạm y tế	TYT	4	4	4	100%	100%	-
Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	%	4	4	4	100%	100%	-
Trung tâm Y tế	BV	1	1	1	100%	100%	1
Giường bệnh / vạ dân (Không có TYT)	GB/VD	30,13	30,3	32,72	100%	102%	-
TS cán bộ y tế	Người	104	114	113	109%	99%	126
Cán bộ y tế / vạ dân	CB/VD	56,99	62,90	67,23	100%	91%	-
Bác sĩ hiện có	Người	19	20	23	121%	115%	23
Bác sĩ/ vạ dân	BS/VD	10,41	12,07	13,68	111%	97%	-
II. Phòng Dân số - Truyền thông giáo dục sức khỏe							
1. Kế hoạch hoá gia đình							
TS người áp dụng các BPTT mới	Người	1359	1116	1160	85%	104%	1116
TĐ: - Đặt vòng	Người	306	238	217	71%	91%	238
- Uống thuốc TT	Người	493	356	415	84%	117%	356
- Thuốc tiêm TT	Người	79	100	84	106%	84%	100
- Bao cao su	Người	479	420	439	92%	105%	420
- Thuốc cấy	người	2	2	5	250%	250%	2
2. Công tác TTGDSK							
Số tin, bài trên phát thanh loa huyện	Tin, bài	30	30	32	107%	107%	30
TT-GDSK tại cụm dân cư	Lần	50	50	50	100%	100%	50
Số lượt tư vấn	Lần	3813	3000	4042	106%	135%	3500
Số lần thăm hộ gia đình	Lần	523	400	1073	205%	268%	500
Số tin bài, ảnh đăng gửi trên SKKG	Tin, bài	8	8	13	163%	163%	10
III. Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản							
1. Kế hoạch hóa gia đình thực hiện tại cơ sở y tế							
Đặt vòng	Lượt	393	300	319	81%	106%	200
Thuốc uống	Lượt	743	400	454	61%	114%	400
Bao cao su	Lượt	722	500	527	73%	105%	400
Thuốc tiêm TT	Lượt	120	50	50	42%	100%	40
2. Bảo vệ bà mẹ							
Số phụ nữ được đỡ đẻ trong năm	Người	178	315	176	99%	56%	150
Số lần khám phụ khoa	Lần	1970	1870	1968	100%	105%	1500
Số phụ nữ điều trị phụ khoa	Người	916	842	1023	112%	121%	700
Số đẻ được khám thai >4 lần/kỳ	Người	178	315	180	101%	57%	140
Số đẻ được quản lý thai	Người	178	315	176	99%	56%	150
IV. Khoa Y tế công cộng - ATTP & DD							
1. Chương trình Vitamin A							
Số xã triển khai	Xã	4					



CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	Năm 2025				2026
		Thực hiện năm 2024	Kế hoạch	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2026
TE 6-36 tháng uống Vit. A	TE	736	751	746	101%	99%	99
Số PN sanh trong tháng được uống Vitamin A	Người	78	0	0	0		0
2. Chương trình Nha học đường							
Số HS tiểu học được GDSK-RM 4 tiết/năm	lượt/HS	292	200	2030	695%	1015%	98
Số HS được súc miệng bằng NaF 2%	HS	3	3	3	100%	100%	98
Số HS mẫu giáo được GD chải răng	HS	2	6	6	300%	100%	98
Chải răng cho HS tiểu học	HS	517	70	75	15%	107%	98
3. Chương trình PC SDD							
TE < 5 tuổi được cân, đo	TE	1266	1266	1234	97%	97%	98
Tỷ lệ suy dinh dưỡng Cân nặng/Tuổi	%	6,4	6,2	6,2	Giảm 0,2%	100%	100
Tỷ lệ suy dinh dưỡng Chiều cao/Tuổi	%	7,7	7,5	7,5	Giảm 0,2%	100%	100
4. Chương trình VSMT							
Kiểm tra, giám sát cơ sở y tế có công trình cấp nước và nhà tiêu hợp vệ sinh	Cơ sở	4	5	5	125%	100%	5
Kiểm tra, giám sát về quản lý chất thải y tế	Cơ sở	4	5	5	125%	100%	4
Thực hiện ngoại kiểm đối với các đơn vị cấp nước	Cơ sở	2	3	3	150%	100%	3
Kiểm tra, giám sát vệ sinh môi trường cơ sở sản xuất	Cơ sở	5	5	5	100%	100%	5
Kiểm tra, giám sát nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn hiện có	Hộ GD	259	250	314	121%	126%	250
5. Chương trình YTTH							
Số trường được kiểm tra, giám sát các nội dung công tác y tế trường học	Trường	6	5	7	117%	140%	100
Số trường được hướng dẫn về công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh.	Trường	6	5	7	117%	140%	100
6. Chương trình Vệ sinh An toàn Thực phẩm							
- Số lượt thanh, kiểm tra	Lượt	495	271	327	66%	121%	291
- Test nhanh	HS	30	30	30	100%	100%	30
- Lấy mẫu xét nghiệm	Mẫu	26	25	25	96%	100%	25
Giấy CN CSĐDK ATTP	Cơ sở	12	5	7	58%	140%	5
Số ca ngộ độc thực phẩm	Cas	1	0	0	0%	#DIV/0!	0
VI. DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH							
TS cơ sở điều trị	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
TS giường bệnh:	GB	55	55	55	100%	100%	55
Trung tâm Y tế	GB	1	1	1	100%	100%	1
TS lượt khám bệnh	Lượt	23794	24000	24.100	101%	100%	24.000
TS bệnh nhân điều trị nội trú	Người	139	145	110	79%	76%	120
Ngày điều trị bình quân 1 BN nội trú	Ngày	4	4	4	100%	100%	4
Tỷ lệ bệnh nhân khỏi, đỡ, giảm	%	90	70	95	106%	136%	70
Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	Người	155	150	177	114%	118%	150
Công suất sử dụng giường bệnh	%	2,66	3	2,45	92%	82%	3
Khám và điều trị YHCT	lượt	3363	3000	3322	99%	111%	3.000
VII. Khoa Kiểm soát bệnh tật - HIV/AIDS							
I. Chương trình Phòng chống Sốt rét							
Tầm mùng bằng hóa chất	Người	1000	1000	1000	100%	100%	1000

CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ	ĐVT	2024	Năm 2025				2026
		Thực hiện năm 2024	Kế hoạch	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ so với cùng kỳ (%)	Tỷ lệ so với kế hoạch (%)	Đề xuất chỉ tiêu năm 2026
Số lam xét nghiệm	lam	300	300	288	96%	96%	300
Điều trị dự phòng	lượt						
2. Phòng chống Lao							
Số BN phát hiện mới	Người	30	30	30	100%	100%	30
Số BN quản lý	Người	67	57	57	85%	100%	57
3. Phòng chống Phong							
Số BN phát hiện mới	Người						
Số BN quản lý điều trị	Người	2	2	2			2
4. Sức khỏe tâm thần:							
Tổng số lượt người khám	lượt	200	300	300	150%	100%	300
Số BN phát hiện mới	Người						
Số BN quản lý	Người	28	28	30	107%	107%	30
TĐ: TT phân liệt	Người	13	13	14	108%	108%	14
Động kinh	Người	14	14	15	107%	107%	15
5. Phòng chống HIV/AIDS							
Số mẫu xét nghiệm HIV	Test	150	200	200	133%	100%	200
Số người nhiễm mới	Người	3		6	tăng 03 ca		5
Số chuyển AIDS mới	Người	28		30	107%		
Số tử vong tích lũy	Người	139		145	104%		
Số ca nhiễm đang quản lý tại địa phương	Người	112		118	105%		
6. Quản lý và điều trị bệnh không lây nhiễm							
*Bệnh Đái tháo đường:							
- Số người được khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	630	1002	980	156%	98%	600
-Số bệnh nhân được quản lý điều trị:	Người	134	398	398	297%	100%	450
-Tư vấn cho người tiền đái tháo đường	Buổi	8	33	33	413%	100%	20
*Bệnh Tăng huyết áp:							
-Phát hiện BN qua khám sàng lọc tại cộng đồng:	Người	120	163	163	136%	100%	130
-Số bệnh nhân được quản lý và điều trị:	Người	460	567	567	123%	100%	650
- Duy trì mô hình quản lý BN tại trạm y tế:	Cơ sở	4	4	4	100%	100%	4
7. Chương trình TCMR - LTUVSS							
Số trẻ < 1 tuổi được MDDĐ 6 loại vaccin	TE	207	171	185	89%	108%	171
PN có thai được tiêm UV2 mũi 2	Người	152	172	172	113%	100%	172
Viêm gan B sơ sinh	Người	176	171	161	91%	94%	171



mp